

**TỜ TRÌNH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG (USD)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Ngày 22/9/2017 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng. Theo đó Thông tư 95 yêu cầu các Công ty đại chúng tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 của Thông tư 95 để xây dựng Điều lệ Công ty, đảm bảo phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng, đồng thời với mục tiêu xây dựng Điều lệ ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, Công ty đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty. Các sửa đổi tại Điều lệ mới có sửa đổi về cấu trúc câu, câu từ, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Điều lệ nhằm đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi ý nghĩa. Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số Điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ mới cũng được thay đổi tương ứng. Các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ mới của Công ty về Chương Điều được thực hiện theo Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng của Thông tư 95 được trình bày cụ thể kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua Điều lệ mới của Công ty.

Trân trọng!

STT	Điều lệ USD 2017	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	
	<b>Điều 1. Giải thích từ ngữ</b>	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>	
	a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và <u>được ghi</u> tại Điều 6 của Điều lệ này;	a. Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và <u>quy định</u> tại Điều 6 Điều lệ này;	
	<b>Chưa quy định.</b>	c. " <u>Luật chứng khoán</u> " là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	<i>Bổ sung phù hợp luật hiện hành</i>
	i) "Ngày thành lập" là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu	j. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ( <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương</u> ) lần đầu;	<i>Bổ sung phù hợp luật hiện hành</i>
	j) " <u>Người quản lý</u> " là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Trưởng ban kiểm soát</u> , Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn, chỉ định chức danh quản lý.	k. " <u>Người quản lý doanh nghiệp</u> " là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn, chỉ định chức danh quản lý.	<i>Khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp</i>
	<b>Chưa quy định</b>	l. " <u>Người điều hành doanh nghiệp</u> " là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán	<i>Khoản 5, Điều 2, ND71</i>

		trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn, chỉ định chức danh quản lý.	
	l) “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác <u>theo quy định của Công ty.</u>	m. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành ( <u>sau đây gọi là thành viên không điều hành</u> ) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành doanh nghiệp khác <u>do HĐQT bổ nhiệm.</u>	<b>Khoản 6, Điều 2, NĐ71</b>
	h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	n. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, <u>khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</u>	<b>Khoản 9, Điều 2, NĐ71</b>
	<b>Chưa quy định.</b>	o. " <u>Cổ đông lớn</u> " là cổ đông được quy định tại <u>khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán</u>	<b>Khoản 3, Điều 2, NĐ71</b>
	<b>Chưa quy định.</b>	p. " <u>Thời hạn hoạt động</u> " là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	
		<b>Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	
	3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với <u>nghị quyết</u> của Hội đồng quản	3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện <u>tại địa bàn kinh doanh</u> để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù	<b>Sửa câu từ phù hợp</b>

	trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.	hợp với <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	
	4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 73 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>khoản 2 Điều 52 Điều lệ này</u> , thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	
	<p><b>Điều 1. Người đại diện theo pháp luật</b></p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <u>Số lượng người đại diện theo luật của Công ty là một (01) người.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</li> <li>2. <u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></li> <li>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</li> </ol>	<p><i><b>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2014.</b></i></p>

		<p>4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác <u>thay thế</u>.</p> <p>5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty và cũng không có lý do chính đáng thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty và tiến hành đăng ký lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	
		<b>CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	
<b>Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty</b> 1. <u>Lĩnh vực</u> kinh doanh của Công ty là: ...	<b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b> 1. <u>Ngành, nghề</u> kinh doanh của Công ty là <u>Môi trường, chiếu sáng, cây xanh, thoát nước theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.</u>	<i>Rút gọn Điều lệ</i>	
<b>Điều 2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	<b>Điều 3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>		

<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo <u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành đăng ký hoạt động kinh doanh trong các <u>lĩnh vực</u> khác được pháp luật <u>cho phép</u> và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo <u>ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</u> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các <u>ngành, nghề</u> khác mà pháp luật <u>không cấm</u> và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm a, Khoản 1, Điều 33 LDN2014</i></p>
<p><b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG</b></p>	<p><b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b></p>	
<p>2. Tài sản góp vốn của Công ty có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.</p> <p>3. Cổ phần có thể được góp bằng các phương tiện, thiết bị và tài sản khác phải được đánh giá lại, định giá bằng Đồng Việt Nam để xác định số lượng cổ phần ngay tại thời điểm đăng ký mua và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>4. Trong trường hợp số lượng cổ phần không bán hết phải hạch toán tăng vốn Nhà nước thì căn cứ vào phương án Cổ phần hóa đã được cấp có</p>	<p><b>Không cần thiết đưa vào vì đã có trong LDN 2014</b></p>	

<p>thẩm quyền phê duyệt, cổ đông Nhà nước được quyền chuyển nhượng cổ phần sau khi Công ty đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.</p>		
<p><b>Điều 7. Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công ty có thể <u>tăng vốn</u> điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</li> <li>2. Việc giảm Vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở phù hợp qui định pháp luật và vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường.</li> <li>3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;</li> <li>b) Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ Công ty;</li> <li>c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112</li> </ol> </li> </ol>	<p><b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Công ty có thể <u>thay đổi</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</li> </ol>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với thực tế có thể tăng vốn theo Điều 122 hoặc giảm vốn theo Khoản 2, Điều 131 LDN2014</i></p>

<p>của Luật Doanh nghiệp.</p>		
<p><b>Điều 8. Cổ phần, cổ đông phổ thông</b></p> <p>1. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.</p> <p>4. Việc phát hành cổ phần ưu đãi (nếu có) do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng thời kỳ và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và <u>cổ phần ưu đãi (nếu có)</u>. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>6. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>7. <u>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác</u>. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (<u>tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc</u>) để cổ đông có thể đăng ký mua. <u>Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện</u></p>	<p><i><b>Bổ sung đầy đủ hơn về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông nắm giữ cổ phần phổ thông</b></i></p>



		<p>đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua <u>Sở giao dịch chứng khoán</u> theo phương thức đấu giá.</p>	
	<p><b>Điều 12. Cổ phiếu</b></p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p>	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>1. <u>Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</u></p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo <u>quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p><i>Rút ngắn độ dài Điều lệ vẫn tuân theo Khoản 1, Điều 120 LDN2014</i></p>

<p>4. Trường hợp <u>cổ phiếu</u> bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì <u>cổ đông</u> được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó nếu đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p><u>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</u></p> <p>a. <u>Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;</u></p> <p>b. <u>Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u></p> <p><u>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi gửi đề nghị cấp cổ phiếu mới, chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.</u></p>	<p>4. Trường hợp <u>chứng nhận cổ phiếu</u> bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, <u>người sở hữu cổ phiếu đó</u> có thể <u>đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới</u> với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 3, Điều 120 LDN2014, tinh gọn lại Điều lệ</i></p>
<p><b>Điều 4. Chứng chỉ chứng khoán khác</b></p> <p>1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (<u>trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời hoặc các tài liệu tương tự</u>) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện pháp luật Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy</p>	<p><b>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b></p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty <u>được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</u></p>	<p><i>- Sửa đổi tham chiếu</i></p>

<p><u>định khác.</u></p> <p>2. <u>Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p><b>Khuyến nghị không quy định</b></p>	<p><i>- Phát hành trái phiếu đã được quy định cụ thể theo điều 127 Luật Doanh nghiệp 2014</i></p>
<p><b>Điều 14. Chào bán và Chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>1. Chào bán cổ phần: Chào bán cổ phần là việc Công ty ....</p> <p>2. Chuyển nhượng cổ phần:</p> <p>a) Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp và các trường hợp khác do pháp luật quy định. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng;</p> <p>b) Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;</p> <p>c) Cổ phần chưa được thanh toán không được chuyển nhượng, hưởng cổ tức và các quyền lợi khác có liên quan đến cổ phần đó;</p>	<p><b>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <u>Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p> <p>2. Cổ đông chiến lược không được chuyển</p>	<p><i>Bổ sung để bao quát hơn các trường hợp</i></p> <p><b>Theo Điều lệ cũ</b></p>

<p>d) Cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu năm (05) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;</p> <p>e) Cổ phần mua ưu đãi theo số năm cam kết làm việc tại Công ty sẽ hạn chế chuyển nhượng tương ứng với số năm cam kết và được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi hết thời gian cam kết.</p> <p>3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p> <p>5. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty sau khi đã thanh toán đủ và những thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu năm (05) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;</p> <p>3. Cổ phần mua ưu đãi theo số năm cam kết làm việc tại Công ty sẽ hạn chế chuyển nhượng tương ứng với số năm cam kết và được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi hết thời gian cam kết.</p> <p>4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và <u>các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p><b>Nên rút gọn vì Luật DN 2014 đã có quy định</b></p> <p><b>Công ty đã lưu ký nên không giữ lại điều này</b></p>
---	--	---

<p><b>Điều 5. Thừa kế cổ phần</b></p> <p>1. Trong trường hợp cổ đông là cá nhân chết, thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Thủ tục giải quyết thừa kế sẽ tuân theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>2. Khi một cổ đông là một pháp nhân bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới cổ phần của cổ đông đó sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Thông tư 95 không quy định vấn đề này.</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đã có quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014 về “Chuyển nhượng cổ phần”.</b></li> <li>- <b>Đã có Luật thừa kế quy định</b></li> </ul>
<p><b>Điều 16. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, <u>số cổ phần bị thu hồi sẽ tương ứng với số tiền chưa thanh toán hết.</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong</p>	<p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, <u>số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ</p>	

<p>trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. <u>Việc thu hồi bao gồm tất cả các khoản cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi đó mà chưa được chi trả thực tế trước thời điểm thu hồi.</u></p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối <u>hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác</u> theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán <u>quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p><i><b>Bổ sung làm rõ đối với cổ phần bị thu hồi</b></i></p>
<p><b>Điều 6. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng chín mươi (90) ngày, kể từ ngày</p>	<p><b>Đã có quy định tại “Điều 12. Quyền của cổ đông” và cụ thể tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2014</b></p>	

<p>nhận được yêu cầu. Cổ phần sẽ được mua lại theo giá trị trường tại thời điểm đó, nếu giá thị trường không xác định được thì sẽ do các bên thỏa thuận.</p> <p>3. <u>Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí thuê tổ chức định giá sẽ do cổ đông yêu cầu chi trả. Giá bán của cổ phần sẽ được xác định trên cơ sở định giá do tổ chức định giá có thẩm quyền định giá.</u></p> <p><u>Trong vòng năm (05) ngày, kể từ ngày có giá do tổ chức định giá cung cấp, nếu hai bên không phản đối, thì giá bán sẽ được coi như đã được đồng ý. Trong trường hợp hai bên có phản đối, thì ý kiến phản đối phải được gửi bằng văn bản tới Công ty. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối, nếu hai bên không đạt được thỏa thuận, thì vụ việc được đưa ra giải quyết tại cơ quan giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 75 của Điều lệ này.</u></p>	<p><b>Đưa vào Điểm i Khoản 1 Điều 11. Quyền của cổ đông</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều 7. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</b></li> <li>- <b>Điều 8. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</b></li> </ul>	<p><b>Thông tư 95 Không quy định vấn đề này.</b></p>	<p><i>Tinh gọn lại Điều lệ vì đã có quy định tại Điều 131 và Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2014</i></p>

		<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	
<b>Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý</b> Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. <u>Ban</u> Tổng Giám đốc.	<b>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b> Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc.		<b><i>Bổ sung phù hợp Khoản 1, Điều 134 LDN2014</i></b>
		<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	
<b>Điều 9. Quyền của cổ đông</b>	<b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b>		
2. <u>Người nắm giữ cổ phần phổ thông</u> có các quyền sau : a. - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;	2. <u>Cổ đông phổ thông</u> có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp <u>tại cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;		<b><i>Khoản 1 Điều 114 LDN2014</i></b>



<p>- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Được tự do chuyển nhượng cổ phần <u>của mình cho cổ đông khác, cho người không phải là cổ đông</u> theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp và Điểm a Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông <u>của từng cổ đông trong Công ty</u>;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các <u>thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p>	<p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần <u>đã được thanh toán đầy đủ</u> theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông <u>mà họ sở hữu</u>;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các <u>thông tin liên quan đến cổ đông</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. <u>Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương</p>	<p><b><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 5, 6, Điều 202 LDN2014</i></b></p>
--	---	---

<p>h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p><u>ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>i. <u>Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;</u></p>	
<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng, <u>ngoài các quyền quy định tại khoản 2 Điều này, có các quyền sau :</u></p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. <u>Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;</u></p> <p>c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại <u>Khoản 2 Điều 24 và Khoản 1 Điều 35 Điều lệ này;</u></p> <p>b. <u>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và</p>	<p><i>Sửa tham chiếu điều khoản và câu từ cho phù hợp theo Thông tư 95</i></p>

	<p>chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p><u>biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải <u>thể hiện</u> bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>mã số doanh nghiệp</u> hoặc số quyết định thành lập, <u>địa chỉ trụ sở chính</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	
	<p><b>Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	
	<p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</li> <li>2. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</li> </ol>	<p>Cổ đông <u>phổ thông</u> có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</li> <li>2. <u>Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các</u></li> </ol>	<p><b><i>Khoản 2 Điều 115 LDN</i></b></p> <p><b><i>Khoản 2, Điều 140 LDN</i></b></p>

		<p><u>hình thức sau:</u></p> <p><u>a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;</u></p> <p><u>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;</u></p> <p><u>c. Tham dự và biểu quyết /bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p><u>d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử</u></p>	<b>Thông tư 95 quy định</b>
<p>3. Thanh toán <u>đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.</u></p> <p>4. <u>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u></p>	<p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p>	<b>Đã được quy định cụ thể ở Khoản 1, Điều 115 LDN</b>	
<p>6. <u>Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật</u></p>	<p>5. <u>Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	<b>Làm rõ ý nghĩa</b>	
<p>7. <u>Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty</u></p>	<p>6. <u>Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh</u></p>		

<p>dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <u>nguy cơ tài chính có thể xảy ra</u> đối với Công ty.</p>	<p>Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <u>các rủi ro tài chính</u> đối với Công ty.</p>	
<p><b>Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông</b></p> <p>1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ</p>	<p><b>Thông tư 95 Không quy định</b></p>	<p><i><b>Đã được quy định cụ thể tại Điều 120 và Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2014.</b></i></p> <p><i><b>Rút ngắn để tinh gọn Điều lệ Công ty</b></i></p>

<p>sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.</p> <p>3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</p>		
<p><b>Điều 21. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.</u></p>	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.</u></p> <p>2. <u>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc</u></p>	<p><b>Khoản 4, Điều 8 ND 71</b></p>

		<u>lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</u>	
	<p><b>Điều 10. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Công ty;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</u></p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên</u></p>	<p><b>Khoản 3, Điều 156 LDN2014</b></p> <p><b>Điểm a, b, Khoản 3, Điều 156 LDN</b></p> <p><b>Bổ sung theo Thông tư 95</b></p>

		<p><u>quan;</u></p> <p>e. <u>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u></p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và <u>Điều lệ này.</u></p>	
	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>ba mươi (30) ngày</u>, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>sáu mươi (60) ngày</u> kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Kiểm soát viên</u> còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>điểm d và điểm e</u> khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 <u>Điều này</u> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm</p>	<p><b><i>Điểm a, Khoản 3, Điều 156 LDN</i></b></p>



	<p>khoản 4 Điều này thì trong thời hạn <u>ba mươi (30) ngày</u> tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. <u>Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</u></p>	<p><b>Thông tư 95 quy định</b></p>
		<p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>2....</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường</p>		<p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề</u></p>	

<p>thông qua quyết định <u>bằng văn bản</u> về các vấn đề sau:</p> <p>a) <u>Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</u></p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị <u>về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát <u>về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</u></p> <p>e) <u>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</u></p> <p>f) <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></p> <p>g) <u>Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u></p>	<p>sau:</p> <p>a. <u>Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</u></p> <p>b. <u>Báo cáo của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c. <u>Báo cáo của Ban kiểm soát;</u></p> <p>d. <u>Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</u></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>....</p> <p>k. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>l. <u>Dự án đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;</u></p> <p>m. <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</u></p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, <u>giao dịch</u> với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></p>	<p><b><i>Khoản 2, Điều 135 LDN2014</i></b></p> <p><b><i>Khoản 2, Điều 12, ND 71</i></b></p>
---	---	---

		o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
		<p>3. <u>Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</u></p> <p>b. <u>Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</u></p>	<b><i>Bổ sung Tham chiếu Điều lệ mẫu tại Thông tư 95</i></b>
	<b><u>Điều 23. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u></b>	<b><u>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</u></b>	
	<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền nhất thiết phải là cổ đông. Người được cổ đông ủy quyền không được phép ủy quyền lại cho người khác đồng thời không được hành động vượt quá</p>	<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được</p>	<b><i>Quy định cụ thể trong trường hợp ủy quyền</i></b>

<p>phạm vi được ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p><u>2. Cổ đông là tổ chức có quyền ủy quyền cho một hoặc một số người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	
<p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <u>người được ủy quyền dự họp;</u></p> <p>b. <u>Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được ủy quyền dự họp, Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;</u></p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <u>cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u></p> <p>b. <u>Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u></p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền</p>	

<p>chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p>phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền <u>khi đăng ký dự họp</u> trước khi vào phòng họp.</p>	<p><b>Theo khoản 1 Điều 140, LDN 2014</b></p>
<p>4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định <u>đại diện</u>, việc chỉ định <u>đại diện</u> trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định <u>đại diện</u> đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc <u>bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó</u> (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)..</p>	<p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định <u>người đại diện</u>, việc chỉ định <u>người đại diện</u> trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định <u>người đại diện</u> đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền (bản gốc) cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p><b>Chỉnh sửa câu từ cho phù hợp</b></p>
<p><b>Chưa quy định</b></p>	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ <u>ít nhất 65% quyền biểu quyết</u> của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <u>Điều 19 và Điều 21</u> Điều lệ này.</p>	<p>- <b>Điểm a, Khoản 1, Điều 144 LDN</b></p> <p>- <b>Tham chiếu Điều lệ mẫu tại Thông tư 95</b></p>

		3. <u>Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</u>	
		<b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<b>Chưa quy định</b>	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.	<i>Tham chiếu Thông tư 95</i>
	<b>Điều 11. Danh sách cổ đông</b> 1. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u> 2. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá</u>	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. <u>Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông.</u> Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <u>mười (10) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; b. <u>Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</u> c. <u>Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</u>	<i>Khoản 1, Điều 137 và Khoản 7, Điều 136 LDN2014</i>

<p><u>nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</u></p> <p>3. <u>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong số đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>d. <u>Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</u></p> <p>e. <u>Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</u></p> <p>f. <u>Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</u></p> <p>g. <u>Các công việc khác phục vụ đại hội</u></p>	
<p><b>Điều 12. Chương trình, nội dung họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>5. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông,</u></p>	<p>3. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông</u></p>	<p><b>Khoản 2 Điều 139 LDN 2014</b></p> <p><b>Khoản 3, Điều 8 TT155</b></p>

<p><u>thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u></p> <p>6. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và <u>đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.</u></p> <p>7. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>b) Phiếu biểu quyết;</p> <p>c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>8. <u>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 7 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</u></p>	<p>trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (<u>tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư</u>). <u>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</u></p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. <u>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu có);</u></p> <p>c. <u>Thẻ/Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử (nếu có);</u></p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
--	---	--



<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc <u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>. Kiến nghị phải bao gồm <u>họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u></p>	<p><b>Khoản 2, Điều 138 LDN2014</b></p> <p><b>Điểm c, khoản 3, Điều 114 LDN 2014</b></p>
<p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối <u>kiến nghị</u> quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm <u>kiến nghị</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên</u> trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy</p>	<p><b>Khoản 3, Điều 138 LDN2014</b></p>

		<p>định tại khoản 3 Điều <u>12</u> Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác <u>theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</u>.</p>	
	<b>Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	
	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	<b>Khoản 2, Điều 141 LDN2014</b>
	3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết	<b>Khoản 3, Điều 141 LDN2014</b>

<p>trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất;</p>	<p>trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	
<p><b>Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. <u>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</u>, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p>1. <u>Trước khi khai mạc cuộc họp</u>, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p><b><i>Khoản 1, Điều 142 LDN2014</i></b></p>
<p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>2. <u>Khi tiến hành đăng ký cổ đông</u>, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký (mã cổ đông), họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ/phiếu tán thành nghị quyết</p>	<p><b><i>Khoản 5, Điều 142 LDN</i></b></p>

		<p>được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. <u>Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</u></p>	
	<p>7. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p>	<p><u>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</u></p>	<p><b><i>Khoản 4, Điều 142 LDN2014</i></b></p>
	<p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có <u>đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp</p>	<p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết <u>theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p><b><i>Tinh gọn Điều lệ</i></b> <b><i>Khoản 8, Điều 142 LDN2014</i></b></p>

<p>không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p>		
<p><b>Khoản 6 Điều 27.</b></p>	<p><u>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.</u> Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <u>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p>	<p><b><i>Khoản 7, Điều 142 LDN2014</i></b></p>
<p>10. Trước khi tiến hành cuộc họp, <u>Hội đồng quản trị</u>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp <u>được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</u></p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ</p>	<p><u>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	

<p>đồng;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p><u>Hội đồng quản trị</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu <u>Hội đồng quản trị</u> thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p><u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
<p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, <u>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	

<p><b>Điều 28. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</li> <li>b. Thông qua định hướng phát triển Công ty;</li> <li>c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</li> <li>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</li> <li>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</li> <li>f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</li> <li>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</li> </ul> <p><b>Điều 29. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm</p>	<p>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu <u>có quyền biểu quyết</u> của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành <u>hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ</li> <li>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</li> <li>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty;</li> <li>f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</li> </ul>	<p><i>Khoản 2, Điều 144 LDN2014</i></p>

<p>(65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</li> <li>Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</li> <li>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <u>lớn hơn năm mươi (50%) tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</li> <li>Tổ chức lại, giải thể Công ty.</li> </ol>		
<p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức <u>lấy ý kiến bằng văn bản</u> thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>2. Các nghị quyết, <u>quyết định</u> khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành <u>hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết</u> tán thành <u>bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u>, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 144 LDN</b></p>
<p>3. <u>Việc biểu quyết</u> bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số</p>	<p>3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu</p>	<p><b>Khoản 3, Điều 144 LDN2014</b></p>



<p>phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p>	<p>bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. <u>Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.</u></p>	
<p><b>Không quy định</b></p>	<p><u>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có</u></p>	<p><b><i>Khoản 2 Điều 148 LDN2014</i></b></p>

		<u>quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u>	
	<b>Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</u></p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>về các vấn đề sau:</u></p> <p>a. <u>Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</u></p> <p>b. <u>Định hướng phát triển Công ty;</u></p> <p>c. <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p>d. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p>e. <u>Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</u></p>	<b><i>Khoản 2 Điều 143 LDN 2014</i></b>

	<p><u>của Công ty;</u></p> <p>f. <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u></p> <p>g. <u>Tổ chức lại, giải thể Công ty;</u></p> <p>h. <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></p> <p>i. <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</u></p> <p>j. <u>Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</u></p>	
<p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. <u>Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.</u> Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <u>khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 25 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu</u> cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</u></p>	<p><b><i>Điểm a, Khoản 3, Điều 8 TT155</i></b></p>
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ</u></p>	<p><b><i>Khoản 3 Điều 145 LDN2014</i></b></p>

<p>chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p><u>căn cước công dân</u>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/<u>bầu cử</u> của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. <u>Phương án bầu cử (nếu có)</u>;</p> <p>g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	
<p><b>Chưa quy định.</b></p>	<p><u>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật</u></p>	

<p><u>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</u></p> <p>a. <u>Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p>b. <u>Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u></p> <p>Các phiếu lấy ý kiến <u>gửi về Công ty</u> sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và <u>bị tiết lộ</u> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p><u>của tổ chức được ủy quyền.</u></p> <p><u>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</u></p> <p>a. <u>Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p>b. <u>Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u></p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư <u>hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu</u> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p><b><i>Khoản 4, Điều 145 LDN2014</i></b></p>
<p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không <u>nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông</p>	<p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là <u>người điều hành doanh nghiệp</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	<p><b><i>Điều chỉnh theo định nghĩa của ND71</i></b></p> <p><b><i>Khoản 5, Điều 145 LDN2014</i></b></p>

<p>qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua ;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/<u>bầu cử</u> đã tham gia biểu quyết/<u>bầu cử</u>, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/<u>bầu cử</u> hợp lệ và số biểu quyết/<u>bầu cử</u> không hợp lệ <u>và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử</u>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/<u>bầu cử</u>;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; <u>và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên</u>;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p><b>Thêm cho trường hợp bầu cử</b></p>
<p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên</p>	<p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các</p>	<p><b>Khoản 6, Điều 145 LDN2014.</b></p>

<p>website của Công ty trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty <u>trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u></p>	<p><b><i>Bổ sung quy định về Công bố thông tin theo Thông tư 155</i></b></p>
<p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này</u> và có giá trị như <u>ng nghị quyết</u> được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b><i>Khoản 4, Điều 144 LDN2014</i></b></p>
<p><b>Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	

<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/<u>bầu cử</u> của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ</p>	<p><b>Khoản 1, Điều 146 LDN2014</b></p>
--	---	---



<p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>đồng dự họp;  h. <u>Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);</u>  i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;  j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p><b><i>Khoản 2 và 3 Điều 146 LDN2014</i></b></p>
<p><b>Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>Đại hội đồng cổ đông</u>, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập và ra quyết định họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 33 Điều lệ Công ty.</u></p> <p>2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông <u>bằng văn bản</u>, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp .</u></p>	<p><b><i>Điều 147, LDN 2014</i></b></p>

<p>bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>2. Nội dung <u>nghị quyết</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông trong vòng <u>60 ngày</u> theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p><b>Lộ trình ước chừng khi tổ chức ĐH</b></p>
<p><b><u>Điều 33. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u></b></p> <p><u>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</u></p> <p><u>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u></p> <p><u>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp</u></p>	<p><b>Bổ quy định này.</b></p>	<p><i>Đã được quy định rõ ràng tại Điều 148 LDN2014</i></p>

	<u>tam thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u>		
	<b>VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
		<b><u>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u></b>	
	<b>Chưa quy định.</b>	<p>1. <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <u>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u></li> <li>b. <u>Trình độ học vấn;</u></li> <li>c. <u>Trình độ chuyên môn;</u></li> </ol>	<b><i>Khoản 1, Điều 11, ND71</i></b>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>d. <u>Quá trình công tác;</u></li> <li>e. <u>Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</u></li> <li>f. <u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</u></li> <li>g. <u>Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</u></li> <li>h. <u>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u></li> <li>i. <u>Các thông tin khác (nếu có).</u></li> </ul>	
	<p><b>Điều 35. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ <u>phần có quyền biểu quyết</u> trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối</p>	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần <u>phổ thông</u> trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm</u></p>	<p><b>Khoản 2, Điều 25 TT95</b></p>

<p>đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.</p>	<p>mười phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p><b><i>Đúng trong TH bầu bổ sung [1] thành viên.</i></b></p>
<p>4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. <u>Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. <u>Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật</u></p>	<p><b><i>Khoản 3 Điều 25 Thông tư 95</i></b></p>
	<p><b><u>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</u></b></p>	
<p>1. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị</u></p>	<p><b><i>Khoản 2 Điều 150 LDN2014</i></b></p>

<p><u>Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.</u></p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p><u>không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty;</li> <li>b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>c) <u>Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</u></li> <li>d) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</li> <li>e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định</li> </ol>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <u>Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</u></li> <li>b. <u>Có đơn từ chức;</u></li> <li>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</li> <li>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội</li> </ol>	

	của Đại hội đồng cổ đông.	đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. <u>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> f. <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</u>	
	<u>3. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</u>	<b>Bổ quy định này</b>	<b><i>Khoản 3, Điều 156 LDN2014</i></b>
	<b>Chưa quy định.</b>	5. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</u>	
	<b><u>Điều 34. Hội đồng quản trị</u></b>	<b><u>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u></b>	

<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. <u>Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.</u> Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>Tham chiếu Điều lệ mẫu tại Thông tư 95</i></p>
<p>2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <u>nhiệm vụ</u> sau:</p>	<p>1. <u>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.</u> Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <u>nghĩa vụ</u> sau:</p>	<p><i>Khoản 2 Điều 149 LDN 2014</i></p>
<p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p> <p>c. <u>Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p> <p>d. <u>Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</u></p> <p>e. <u>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty;</u></p> <p>f. <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp luật;</u></p> <p>g. <u>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp</u></p>	<p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. <u>Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch công ty con; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác</p>	



<p><u>thị và công nghệ;</u></p> <p>h. <u>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại Điểm d Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 48 Điều lệ Công ty;</u></p> <p>i. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác trong Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p>j. <u>Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</u></p> <p>k. <u>Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p>l. <u>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</u></p>	<p>của những người đó;</p> <p>d. <u>Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;</u></p> <p>e. <u>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</u></p> <p>f. <u>Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p>g. <u>Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</u></p> <p>h. <u>Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</u></p> <p>i. <u>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</u></p> <p>j. <u>Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định</u></p>	<p><b><i>Khoản 1, Điều 7 NB71</i></b></p>
---	---	---

<p>m. <u>Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>n. <u>Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p>o. <u>Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</u></p> <p>p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty.</p>	<p><u>mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p>k. <u>Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</u></p> <p>l. <u>Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</u></p> <p>m. <u>Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u></p> <p>n. <u>Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>o. <u>Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</u></p> <p>p. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</u></p>	
<p><b>Chưa quy định</b></p>	<p>3. <u>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</u></p> <p>a. <u>Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</u></p> <p>b. <u>Thành lập các Công ty con của Công ty;</u></p> <p>c. <u>Trong phạm vi quy định tại khoản 2</u></p>	<p><b><i>Khoản 2 Điều 149 LDN</i></b></p>

		<p><u>Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</u></p> <p>d. <u>Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</u></p> <p>e. <u>Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty. Hợp đồng kinh tế, mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ ba mươi lăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 15, Điểm b, Khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty) phải thông qua HĐQT trước khi ký kết.</u></p> <p>f. <u>Việc đầu tư, trang bị mua sắm và bán tài sản cố định từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương.</u></p>	
--	--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>g. <u>Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</u></li> <li>h. <u>Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</u></li> <li>i. <u>Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</u></li> <li>j. <u>Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</u></li> <li>k. <u>Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</u></li> <li>l. <u>Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</u></li> </ul>	
	<p><b>Chưa quy định.</b></p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ</p>	<p><i>Chỉnh sửa câu từ phù hợp</i></p>

		<p>thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và <u>người điều hành doanh nghiệp khác</u> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua</p>	
	<b>Chưa quy định.</b>	<p>5. <u>Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành doanh nghiệp khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty</u></p>	
		<b>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b>	
<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm những người đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>6. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội</p>	<b><i>Khoản 3 Điều 158 Luật DN</i></b>	

<p>quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, <u>Công ty liên kết</u> của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. <u>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm</u> của Công ty.</p>	
<p><b>Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</li> <li>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, quản lý tài chính hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</li> <li>c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được đồng thời</li> </ul>	<p><b>Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</li> <li>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, quản lý tài chính hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</li> <li>c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không</li> </ul>	<p><b>Theo Điều lệ cũ</b></p>

<p>là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác, thời hạn có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/8/2019.</p> <p>2. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác, thời hạn có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/8/2019.</p> <p>2. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.</p>	
<b><u>Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></b>	<b><u>Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></b>	
<p>1. <u>Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.</u></p>	<p>1. <u>Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty đến ngày 01/08/2020.</u></p>	<b><i>Khoản 2 Điều 12 NĐ71</i></b>
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. <u>Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c. <u>Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d. <u>Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>đ. <u>Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p>e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy</p>	<p>2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.</u></p> <p>3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<b><i>Tham chiếu Điều lệ mẫu tại Thông tư 95</i></b>

	định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.		
3.	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	<b>Bổ quy định này.</b>	<b><i>Đã được quy định cụ thể tại Khoản 4 điều 152 LDN2014</i></b>
5.	Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.		<b><i>Tinh gọn Điều lệ, có quy định cụ thể tại Khoản 5 Điều 152 Luật DN và Khoản 3 Điều 18 Nghị định 71</i></b>
6.	Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.		
	<b><u>Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</u></b>	<b><u>Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</u></b>	
4.	<u>Các cuộc họp bất thường:</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số	<b><i>Khoản 4, Điều 153 LDN2014</i></b>



<p><u>Ngoài ra</u>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát <u>hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập</u>;</li> <li>b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;</li> <li>c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</li> </ul> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p>các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Ban kiểm soát;</li> <li>b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành/người quản lý doanh nghiệp khác;</li> <li>c. <u>Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành</u>;</li> <li>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>e. <u>Các trường hợp khác (nếu có)</u>.</li> </ul>	
<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị <u>quy định tại khoản 4 Điều này</u>. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị <u>có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị</u>.</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại <u>khoản 3 Điều này</u>. Trường hợp <u>không triệu tập họp</u> theo đề nghị thì Chủ tịch <u>Hội đồng quản trị</u> phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị <u>tổ chức họp</u> được nêu tại <u>khoản 3 Điều 30</u> có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p><b><i>Khoản 5, Điều 153 LDN2014</i></b></p>
<p><b>Chưa quy định</b></p>	<p><u>5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về</u></p>	<p><b><i>Tham chiếu Điều lệ mẫu tại Thông tư 95</i></b></p>

		báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	
	<b>Chưa quy định</b>	<u>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</u>	<b>- Khoản 2 Điều 153 LDN</b> <b>- Tham chiếu Điều lệ mẫu tại Thông tư 95</b>
	<p>6. Thông báo và chương trình họp:</p> <p><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u></p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu-rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>7. <u>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u></p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p>	<b>Khoản 6 Điều 153 LDN</b>

<p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên <u>trở lên dự họp</u>. Trường hợp <u>cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất</u>. <u>Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền))</u>.</p>	<p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên <u>Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận</u>. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, <u>cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất</u>. <u>Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp</u></p>	<p><b><i>Khoản 10, Điều 153 LDN2014</i></b></p> <p><b><i>Khoản 8, Điều 153 LDN2014</i></b></p>
<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> b. <u>Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.</u> c. <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</u> d. <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u></p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai</p>	<p>9. <u>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u></p> <p>a. <u>Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u> b. <u>Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng</u></p>	<p><b><i>Điểm c, Khoản 9, Điều 153 LDN</i></b></p>

<p>mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p><u>Nghi quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><u>phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp.</u></p> <p><u>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u></p> <p>10. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</u></p>	<p><b><i>Khoản 9, Điều 153 LDN</i></b></p>
<p>16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm</p>	<p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm</p>	<p><b><i>Điểm i, Khoản 1, Điều 154 LDN</i></b></p>

<p>chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</u></p>	<p>gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. <u>Biên bản phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản.</u></p>	
<p><b>Điều 13. Biên bản họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</li> <li>c) Thời gian, địa điểm họp;</li> <li>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</li> <li>e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</li> </ul>	<p><b>Bổ quy định này</b></p>	<p><i>Đã quy định cụ thể tại Điều 154 LDN</i></p>

<p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p>Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.</p> <p>Biên bản phải lập bằng tiếng Việt.</p>		
<p><b>Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Bổ quy định này</b></p>	<p><i><b>Đã quy định cụ thể tại Điều 155 LDN</b></i></p>
<p><b>Điều 15. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm</p>	<p><b>Bổ quy định này</b></p>	<p><i><b>Đã quy định cụ thể tại Điều 156 LDN</b></i></p>

<p>trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty;</li> <li>b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</li> <li>d) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</li> </ul> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.</li> <li>b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</li> </ul>		
---	--	--

<p><b>MỤC 3. BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH</b></p>	<p><b><u>Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC</u></b></p>	
<p><b>Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p><u>Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua đúng quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>Bộ máy quản lý của Công ty sẽ chịu trách nhiệm và dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị Công ty.</u></p>	<p><b>Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p><u>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa câu từ phù hợp</i></p>
<p><b>Điều 43. Cán bộ quản lý</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <u>cán bộ quản lý cần thiết</u>, với số lượng và <u>chất lượng</u> phù hợp với cơ cấu và <u>thông lệ quản lý Công ty</u> do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. <u>Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</u></li> <li><u>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với</u></li> </ol>	<p><b>Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <u>người điều hành doanh nghiệp khác</u> với số lượng và <u>tiêu chuẩn</u> phù hợp với cơ cấu và <u>quy chế quản lý</u> của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. <u>Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u></li> <li>Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với</li> </ol>	<p><i>Điểm i, Khoản 2, Điều 149 LDN</i></p>



	<p>Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <u>người quản lý khác</u> sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	<p>Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <u>người điều hành doanh nghiệp khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	
	<p><b>Điều 44. Tổng Giám đốc</b></p>	<p><b>Điều 34. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</u></b></p>	
	<p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng (<u>nếu Tổng Giám đốc thuê</u>), trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các <u>điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng</u>. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, <u>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm</u> và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p><b><i>Khoản 3, Điều 158 LDN</i></b></p>
	<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại <u>với số nhiệm kỳ không hạn chế</u>. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. <u>Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm</u></p>	<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và <u>có thể được tái bổ nhiệm</u>. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và <u>phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</u>.</p>	<p><b><i>Tinh gọn theo Khoản 2, Điều 157 LDN2014</i></b></p>

<p><u>trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</u></p> <p>3. <u>Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</u></p> <p>a) <u>Thường trú tại Việt Nam;</u></p> <p>b) <u>Có đủ năng lực chuyên môn và năng lực hành vi dân sự; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>c) <u>Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chính của Công ty;</u></p> <p>d) <u>Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.</u></p>		
<p>3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. <u>Tổ chức</u> thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và <u>phương án</u> đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp</p>	<p>3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và <u>kế hoạch</u> đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội</p>	<p><b><i>Khoản 3 Điều 157 LDN2014</i></b>  <b><i>Sửa đổi câu từ phù hợp với Luật</i></b></p>

<p>đồng dân sự, kinh tế và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>Trong trường hợp chức danh quản lý Công ty thuộc thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc kiến nghị số lượng và các cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.</p> <p>e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p>	<p>đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Kiến nghị <u>với Hội đồng quản trị</u> về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>Trong trường hợp chức danh quản lý Công ty thuộc thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc kiến nghị số lượng và các cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.</p>	
--	--	--

<p>f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>g. <u>Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>h. <u>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p>i. <u>Tuyển dụng lao động;</u></p> <p>j. <u>Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</u></p> <p>k. <u>Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.</u></p>	<p>f. <u>Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</u></p> <p>g. <u>Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</u></p> <p>h. <u>Tháng 01 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm</u></p> <p>i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và</p>	
--	---	--

		<p>phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>j. <u>Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;</u></li><li>k. <u>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></li><li>l. <u>Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</u></li><li>m. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</u></li></ul>	
--	--	--	--



<p>luật.</p> <p>8. Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.</p> <p>9. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh khác của Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc nhất định, nhưng Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc do người được ủy quyền thực hiện theo sự ủy quyền này.</p>	<p>8. Tư cách Tổng Giám đốc của Công ty không còn trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;</li> <li>Không còn đủ điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 3 Điều này;</li> <li>Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;</li> <li>Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án;</li> <li>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</li> </ol> <p>9. Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.</p>	
<p><b>Điều 16. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty</b></p>	<p><b>Điều 35. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty</b></p>	<p><i>Theo Điều lệ cũ</i></p>

<b>MỤC 5. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b><u>Chương IX. BAN KIỂM SOÁT</u></b>	
<p><b>Điều 51. Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p><b><u>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</u></b></p> <p>1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<i>Tinh gọn Điều lệ</i>
<b>Điều 51. Ban kiểm soát</b>	<b><u>Điều 37. Kiểm soát viên</u></b>	



<p>1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b>Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</p> <p>d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>e) Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Trong trường hợp Công ty trở thành Công ty cổ</p>	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. <u>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty <u>trong ba (03) năm liền trước đó.</u></p>	<p><i>Rút gọn và bổ sung về tiêu chuẩn kiểm soát viên</i></p>
--	---	---

<p>phần niêm yết, thành viên Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p>		
<p><b>Khoản 2 Điều 51</b></p> <p>1. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p> <p><b>Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 52 Điều lệ Công ty</u>;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả</p>	<p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. <u>Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 164 Luật doanh nghiệp</u>;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường</p>	<p><i>Quy định thêm về trách nhiệm của Trưởng ban kiểm soát</i></p> <p><b>- Khoản 1 Điều 164 và Điều 169 Luật Doanh nghiệp</b></p> <p><b>- Tham chiếu Điều lệ mẫu tại thông tư 95</b></p>

<p>kháng; c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</u></p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</u></p>	
<p><b>Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p>	<p><b><u>Điều 38. Ban kiểm soát</u></b></p>	
<p>1. <u>Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.</u></p> <p>2. <u>Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo</u></p>	<p>1. <u>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</u></p> <p>a. <u>Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</u></p> <p>b. <u>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt</u></p>	<p>- <b><i>Đã được quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp</i></b></p> <p>- <b><i>Tinh gọn Điều lệ</i></b></p> <p>- <b><i>Tham chiếu Thông tư 95</i></b></p>

<p><u>tài chính.</u></p> <p><u>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</u></p> <p><u>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Công ty.</u></p> <p><u>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</u></p> <p><u>Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành</u></p>	<p><u>đồng giám sát của mình;</u></p> <p>c. <u>Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;</u></p> <p>d. <u>Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u></p> <p>e. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>f. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p>	
--	--	--

<p>hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p><u>7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</u></p> <p><u>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</u></p> <p><u>9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</u></p> <p><u>10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</u></p> <p><u>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>		
<p><b>Khoản 5 Điều 54. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</b></p> <p>5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị,</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp</p>	<p><b>Điều 166 LDN 2014</b></p>

<p>Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</p> <p><b>Khoản 1, Khoản 2</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</li> </ol>	<p>thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p>	
<p><b>Chưa quy định</b></p>	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và <u>cuộc họp được tiến hành</u></p>	<p><b>Điều 20 và Điều 23 Nghị định 71</b></p>

<p><b>Điều 20. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</li> <li>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</li> <li>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</li> </ol>	<p><u>khí có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</u></p> <p>4. <u>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên</u> do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p><i>Rút gọn Điều lệ</i></p>
<p><b><u>IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</u></b></p>	<p><b><u>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</u></b></p>	

		<b><u>KHÁC</u></b>	
	<p><b><u>Điều 58. Trách nhiệm cẩn trọng</u></b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình <u>một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thân trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</u></p>	<p><b><u>Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng</u></b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình <u>một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</u></p>	<b><i>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</i></b>
	<p><b><u>Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u></b></p>	<p><b><u>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u></b></p>	
	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý</u> không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</u> phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</u></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</u> không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích</p>	<b><i>Điều 24 Nghị định 71</i></b>



<p>mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên ban Kiểm soát</u>, <u>Tổng Giám đốc</u> và <u>cán bộ quản lý</u> có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, <u>Tổng Giám đốc</u> và <u>người điều hành doanh nghiệp khác</u> có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p><b><i>Điều chỉnh câu từ</i></b></p>
<p>1. Công ty không <u>hỗ trợ</u> các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, <u>Tổng Giám đốc</u>, <u>cán bộ quản lý khác</u> và <u>những người có liên quan</u> tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, <u>trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận</u>.</p>	<p>4. <u>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác</u>, Công ty không <u>được</u> cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, <u>Tổng Giám đốc</u>, <u>người điều hành doanh nghiệp khác</u> và <u>các cá nhân</u>, <u>tổ chức có liên quan</u> tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính <u>trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác</u>.</p>	<p><b><i>Điểm a, Khoản 4, Điều 26, ND 71</i></b></p>

<p><b>Điều 21. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</b></p>		
<p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>c. <u>Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 47 Điều lệ Công ty. (khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp 2014).</u></p> <p>2. <u>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</u></p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một</p>	<p><b><i>Khoản 4 và 5, Điều 26 ND71</i></b></p>

<p><u>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</u></p> <p><u>4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</u></p>	<p><u>cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</u></p> <p>b. <u>Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</u></p> <p>c. <u>Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng</u></p>	
--	---	--

		<u>các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u>	
	<p><b><u>Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</u></b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác</u> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>cán bộ quản lý, nhân viên</u> hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <u>cán bộ quản lý, nhân viên</u> hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không <u>chống lại</u> lợi ích <u>cao nhất</u> của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những</p>	<p><b><u>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</u></b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</u> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên</u> hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <u>người điều hành doanh nghiệp, nhân viên</u> hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực,</p>	<i>Chỉnh sửa câu từ phù hợp</i>

<p>trách nhiệm của mình.</p> <p>Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý</u>, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không <u>mâu thuẫn với lợi ích</u> của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác</u>, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	
<p><b><u>Điều 60. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</u></b></p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong</p>	<p><b><u>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</u></b></p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>nêu</u> tại <u>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u> có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản</p>	<p><i>Chỉnh sửa câu từ phù hợp theo Thông tư 95</i></p>

<p>giờ làm việc và tại địa <u>điểm kinh doanh chính</u> của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do <u>phía luật sư đại diện</u> hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng Giám đốc và <u>người quản lý</u> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và <u>bất cứ giấy tờ</u> nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang</p>	<p>họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các <u>tài liệu này</u> trong giờ làm việc và <u>tại trụ sở chính của Công ty</u>. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng Giám đốc và <u>người điều hành doanh nghiệp khác</u> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <u>ngghi quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị</u>, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của <u>Hội đồng quản trị</u>, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và <u>các tài liệu</u> khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ <u>các tài liệu</u> này.</p>	
--	--	--

	thông tin điện tử của Công ty	4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty	
	<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI.</b>	<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	
	<p><b><u>Điều 22. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty</u></b></p> <p>1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, các quy định, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>2. Tổ chức Công đoàn và các Tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.</p> <p>3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức trên hoạt động theo đúng Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.</p>	<p><b><u>Điều 43. Công nhân viên và công đoàn</u></b></p> <p>1. <u>Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</u></p> <p>2. <u>Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</u></p>	<i>Thay thế bằng quy định về công nhân viên và công đoàn theo TT 95</i>
	<b>XI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	
	<b><u>Điều 23. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận</u></b>	<b><u>Điều 44. Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức</u></b>	
	1. Lợi nhuận sau khi trừ thuế, bù lỗ lũy kế (nếu có) và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng	1. Lợi nhuận sau khi trừ thuế, bù lỗ lũy kế (nếu có) và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của Công ty được phân chia	<b>Theo Điều lệ cũ Công ty</b>

	<p>của Công ty được phân chia theo trình tự sau:</p> <p>a) Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp;</p> <p>b) Chia lãi cho các đối tác góp vốn liên doanh liên kết (nếu có);</p> <p>c) Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng rủi ro, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý;</p> <p>d) Số còn lại chia cổ tức cho cổ đông.</p> <p>2. Tỷ lệ trích lập vào các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	<p>theo trình tự sau:</p> <p>a. Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp;</p> <p>b. Chia lãi cho các đối tác góp vốn liên doanh liên kết (nếu có);</p> <p>c. Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng rủi ro, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý;</p> <p>d. Số còn lại chia cổ tức cho cổ đông.</p> <p>2. Tỷ lệ trích lập vào các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	
	<p><b>Điều 24. Cổ tức</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p>	<p>3. <u>Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</u></p>	<p><b><i>Khoản 2 Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2014</i></b></p>



	<p>Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p>	<p>4. <u>Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</u></p> <p>5. <u>Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</u></p>	
	<p><b>Khoản 2 → Khoản 6 Điều 63</b></p>	<p><b>Bộ quy định này</b></p>	<p><i>Được quy định chi tiết tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2014</i></p>
		<p>6. <u>Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</u></p> <p>7. <u>Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó</u></p>	<p><i>Tham chiếu Điều lệ mẫu tại Thông tư 95</i></p>

	<p><u>không nhân được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</u></p> <p>8. <u>Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết/ Công ty ra thông báo xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhân cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</u></p> <p>9. <u>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p><b><i>Bao quát trường hợp theo Điều 8 Nghị định 71</i></b></p>
<p><b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ <u>HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN</u></b></p>	<p><b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, <u>QUỸ DƯ TRỮ</u>, NĂM TÀI CHÍNH VÀ <u>CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</u></b></p>	
<p><b>Điều 45. Năm tài chính</b></p>	<p><b>Điều 46. Năm tài chính</b>          Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu</p>	<p><b><i>Bổ sung theo thông tư 95</i></b></p>

<p>Năm tài chính của Công ty được tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.</p>	<p>tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</u></p>	
<p><b>Điều 46. Chế độ kế toán</b></p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p><b>Điều 47. Chế độ kế toán</b></p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), <u>chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành</u> khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo <u>quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.</u> Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng <u>đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.</u> <u>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</u></p>	<p><i><b>Điều chỉnh câu từ phù hợp theo thông tư 95</b></i></p> <p><i><b>Khoản 1, Điều 3 và 4 TT200/2014/TT-BTC</b></i></p>

	<p>4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng theo quy định của pháp luật và/hoặc do Hội đồng quản trị yêu cầu phải được phê duyệt và ký bởi Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.</p>	<p>Khuyến nghị nên bỏ ra</p>	<p><i>Điểm d Khoản 2 Điều 29 Luật Kế toán 2015</i></p>
	<p><b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, <u>TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u></b></p>	<p><b>XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, <u>BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</u></b></p>	
	<p><b>Điều 68. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật, cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước <u>(trong trường hợp Công ty trở thành Công ty đại chúng hoặc Công ty niêm yết)</u> và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 70 của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, <u>phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan có thẩm quyền.</u></p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về</p>	<p><b>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh</p>	<p><i>Khuyến nghị bỏ, vì tuân thủ quy định của UBCKNN tối thiểu đã là công ty đại chúng</i></p> <p><i>Thời hạn CBTT BCTC theo thông tư 155 trước thời hạn tổ chức ĐHĐCĐ</i></p>

<p>lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và <u>bảng cân đối kế toán</u> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p><u>Công ty ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</u></p> <p>3. Công ty phải lập các báo cáo tài chính sáu tháng và hàng quý (Như Điều lệ cũ).</p> <p>4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu (06) tháng của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, <u>báo cáo tình hình tài chính</u> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p><b>Không quy định</b></p> <p>3. Công ty phải lập các báo cáo tài chính sáu tháng và hàng quý .....</p> <p>3. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (<u>bao gồm ý kiến của kiểm toán viên</u>) phải được công bố trên <u>trang thông tin điện tử của Công ty.</u></p>	<p><b><i>Điểm a Khoản 2 Điều 11 TT 155/2015/TT-BTC</i></b></p>
---	---	--

		4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
	<b>Điều 25. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b> Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp (trong trường hợp Công ty trở thành Công ty đại chúng hoặc Công ty niêm yết).	<b>Đã được quy định tại Điều 48</b>	
	<b><u>Điều 70.</u> Báo cáo thường niên</b>	<b><u>Điều 49.</u> Báo cáo thường niên</b>	<b><i>Khoản 2 Điều 8 TT 155/2015/TT-BTC</i></b>
	<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b> <b>Điều 67. Kiểm toán</b> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập do Hội đồng quản trị đề xuất và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều	<b>XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b> <b><u>Điều 50.</u> Kiểm toán</b> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho	

<p>khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty</p> <p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên <u>độc lập</u> thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán <u>báo cáo tài chính của Công ty.</u></p>	
<p><b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b></p>	<p><b>XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b></p>	
<p><b>Điều 73. Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể <u>hoặc chấm dứt hoạt động</u> trong những trường hợp sau:</p>	<p><b>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p>	<p><i>Khoản 1, Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014</i></p>

<p>a. <u>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u></p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p>	<p>a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. <u>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u></p> <p>c. <u>Bì thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</u></p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
<p><b>Điều 74. Thanh lý</b></p>	<p><b>Điều 53. Thanh lý</b></p>	
<p>1. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các chi phí thanh lý;</p> <p>b) Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, <u>bảo hiểm y tế</u> đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể đã ký kết;</p> <p>c) <u>Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ;</u></p> <p>d) Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e) <u>Số dư</u> còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản 3 Điều này sẽ được phân chia cho các cổ đông.</p>	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. <u>Nợ thuế;</u></p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. <u>Phần</u> còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. <u>Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</u></p>	<p><b><i>Khoản 5, Khoản 6 Điều 202 LDN 2014</i></b></p>



		<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	
	<p><b>Điều 75. Giải quyết tranh chấp</b></p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Cổ đông với Công ty;</li> <li>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay <u>cán bộ quản lý cao cấp</u></li> </ul> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu <u>chi định</u> một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải</p>	<p><b>Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b></p> <p>1 Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Cổ đông với Công ty;</li> <li>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc <u>hay người điều hành doanh nghiệp khác;</u></li> </ul> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu <u>Trưởng Ban kiểm soát chi định</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa câu từ theo Điều lệ mẫu Thông tư 95</i></p>

<p>quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải <u>đối với các tranh chấp quy định tại Khoản 1 Điều này</u> trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <u>giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.</u></p> <p>3. Các bên <u>sẽ tự chịu chi phí của mình</u> có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. <u>Các án phí, chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.</u></p>	<p>một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra <u>Trong tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</u></p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. <u>Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</u></p>	
<p><b>Điều 26. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 11 Chương, 77 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng nhất trí thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại Hội trường Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a) 01 bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của</p>	<p><b>Điều 56. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm <b>21</b> Chương <b>56</b> Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2019 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p>	

<p>địa phương;</p> <p>b) 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;</p> <p>c) 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.</p>	<p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.</p>	
---	--	--